

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 9 - 2020

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Kim Quy;
2. Ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường H, tổ dân phố C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Niệm K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường V, tổ dân phố C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Ngày 11/01/2018 bà Nguyễn Thị Thùy T cho bà Bùi Thị Niệm K vay 150.000.000 đồng, hạn trả là ngày 11/3/2018, khi vay tiền bà K có viết giấy mượn với bà T, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Đến ngày 30/5/2020 bà K đã trả được cho bà T 27.000.000 đồng tiền lãi, và 10.000.000 đồng tiền gốc.

Nay bà T yêu cầu bà K trả 140.000.000 đồng tiền nợ gốc. Về tiền lãi bà K đã trả cho bà T 27.000.000 đồng, bà T không yêu cầu bà K trả thêm tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Bùi Thị Niệm K trình bày:

Bà Bùi Thị Niệm K thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền vay, thời gian vay và thời hạn trả, số tiền lãi và tiền gốc bà K đã trả cho

bà T. Tuy nhiên về mức lãi suất khi bà T cho bà K vay tiền hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 4%/tháng, chứ không phải 1,5%/tháng như bà T trình bày.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà K trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và không yêu cầu tính số tiền lãi còn lại, bà K đồng ý trả cho bà T số tiền 140.000.000 đồng. Về thời hạn trả nợ bà K đề nghị bà T cho bà K trả dần theo khả năng của bà K.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm, nên kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Bùi Thị Niệm K phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Bùi Thị Niệm K cư trú tại đường V, tổ dân phố C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T đòi bà Bùi Thị Niệm K trả 140.000.000 đồng tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa bà K thừa nhận ngày 11/01/2018 có vay của bà T 150.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên mới trả được cho bà T 10.000.000 đồng tiền gốc và 27.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, việc bà K đã vay của bà T 150.000.000 đồng và mới trả được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc là có thật.

Căn cứ vào chứng cứ do bà T giao nộp cho Tòa án, lời trình bày của bà T và bà K có đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà T là có cơ sở. Hợp đồng vay tiền giữa bà T và bà K phù hợp với quy định của pháp luật, đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, việc bà K không trả nợ cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và bà Bùi Thị Niệm K, chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà K phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Khi vay tiền các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng có tranh chấp về mức lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất nguyên đơn được tính là 10%/năm.

Tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/01/2018 đến ngày 30/5/2020 là: 02 năm 04 tháng 19 ngày, tương ứng với số tiền lãi là: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 04 tháng 19 ngày = 35.791.000 đồng.

Số tiền lãi 27.000.000 đồng bà K đã trả cho bà T phù hợp với quy định của pháp luật, số tiền lãi còn lại 8.791.000 đồng bà T không yêu cầu bà K trả nên cần chấp nhận.

Bà K đồng ý trả cho bà T 140.000.000 đồng tiền nợ gốc, về thời hạn trả nợ bà K xin trả dần theo khả năng của mình nhưng không được bà T chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.512.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Công nhận hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 11/01/2018 giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và bà Bùi Thị Niệm K.

Buộc bà Bùi Thị Niệm K phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ gốc là: 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Niệm K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 4.512.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 8626 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngọc